

Bản án số: 12/2023/HNGĐ-ST

Ngày: 09/6/2023

V/v: Ly hôn, tranh chấp về nuôi con.

NHÂN DANH

NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN GIA LỘC - TỈNH HẢI DƯƠNG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Bùi Thị Giang.

Các hội thẩm nhân dân: Ông Nguyễn Văn Trung và bà Nguyễn Thị Phương Minh.

- Thư ký phiên tòa: Bà Vũ Thị Thanh Tâm – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Gia Lộc.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Gia Lộc: Bà Nguyễn Thị Thanh - Kiểm sát viên.

Ngày 09 tháng 6 năm 2023, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Gia Lộc xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự sơ thẩm thụ lý số 15/2023/TLST-HNGĐ ngày 09 tháng 02 năm 2023, về việc ly hôn, tranh chấp về nuôi con theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử sơ thẩm số 09/2023/QĐXXST-HNGĐ ngày 28/4/2023, Quyết định hoãn phiên tòa số 06/2023/QĐST-DS ngày 18/5/2023, giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Chị Phạm Thị L, sinh năm 1987; Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú: Thôn DH, xã LL, huyện GL, tỉnh Hải Dương; Nơi cư trú: Khu dân cư C, thị trấn GL, huyện GL, tỉnh Hải Dương.

- Bị đơn: Anh Bùi Đức D, sinh năm 1984; Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú và cư trú: Số X GK, thị trấn GL, huyện GL, tỉnh Hải Dương.

NỘI DUNG VỤ ÁN

Theo đơn xin ly hôn, bản tự khai, biên bản lấy lời khai, nguyên đơn trình bày: Chị với anh Bùi Đức D được tự do tìm hiểu trong 06 năm và tự nguyện đăng ký kết hôn vào ngày 08/9/2008 tại UBND thị trấn GL, huyện GL, tỉnh Hải Dương, sau đó được hai bên gia đình tổ chức đám cưới theo phong tục địa phương. Sau khi cưới, vợ chồng chung sống với gia đình nhà chồng tại số X GK. Thời gian đầu, vợ chồng sống hạnh phúc, tuy nhiên cũng có những mâu thuẫn nhỏ. Sau khi chị sinh con thì mâu thuẫn vợ chồng nảy sinh, nguyên nhân

do anh D chơi bời, không chịu làm ăn, thường xuyên đi chơi đêm không về nhà. Khi chị góp ý thì anh D không nghe nên vợ chồng mâu thuẫn. Do vậy, chị đã bỏ về nhà ngoại khoảng 2-3 lần, sau đó anh D xuống xin lỗi nên chị quay lại. Đến năm 2011, vợ chồng mâu thuẫn căng thẳng nhất do nhiều lần anh D đánh chị nên chị bỏ về nhà ngoại sống (khoảng tháng 8/2011), anh D xuống tìm, do không muốn quay lại với anh D nên chị đi làm ăn xa, gửi con lại cho mẹ đẻ nuôi. Từ đó, vợ chồng cắt đứt liên lạc, không quan tâm đến nhau, việc ai người đấy làm. Cuối năm 2022, chị về nhà mẹ đẻ sống chứ không về nhà chồng. Chị xác định không thể quay về chung sống với anh D được vì chị thực sự không còn yêu thương anh D, vợ chồng không còn tình cảm vì sống ly thân đã lâu, nên đề nghị Tòa án giải quyết cho chị ly hôn với anh D. Về con chung: vợ chồng có 01 con chung là Bùi Đức M, sinh ngày 26/01/2009, hiện đang do chị nuôi dưỡng; khi ly hôn chị có nguyện vọng được tiếp tục nuôi con và tự nguyện không yêu cầu anh D cấp dưỡng nuôi con. Về tài sản chung, nợ chung, công sức đóng góp cho hai bên gia đình: Vì không có gì nên khi ly hôn chị không đề nghị Tòa án giải quyết.

Theo biên bản lấy lời khai bị đơn trình bày: Anh đăng ký kết hôn với chị Phạm Thị L vào ngày 08/9/2008 tại UBND thị trấn GL, trên cơ sở hoàn toàn tự nguyện. Sau khi kết hôn, vợ chồng chung sống với gia đình chồng. Trong cuộc sống vợ chồng có xảy ra mâu thuẫn, chị L tự ý bỏ về nhà ngoại khoảng 2 – 3 lần, nguyên nhân do bất đồng về quan điểm tính cách. Sau đó anh xuống xin lỗi và đón chị L về. Khoảng tháng 7/2011, vợ chồng lại xảy ra mâu thuẫn và chị L bỏ về nhà ngoại, anh đã xuống gặp nhưng chị L kiên quyết không về. Sau đó, chị L đi Nhật Bản lao động, từ đó vợ chồng mỗi người một nơi, không quan tâm đến nhau. Cuối năm 2022, chị L về Việt Nam nhưng về nhà ngoại chứ không về với anh. Nay, chị L xin ly hôn thì anh không đồng ý, đề nghị Tòa án hòa giải cho vợ chồng đoàn tụ. Về con chung: vợ chồng có 01 con chung là Bùi Đức M, sinh ngày 26/01/2009, hiện đang do chị L nuôi dưỡng, nếu phải ly hôn anh có nguyện vọng được nuôi con và không yêu cầu chị L cấp dưỡng nuôi con. Về tài sản chung, nợ chung, công sức đóng góp cho hai bên gia đình: Không có gì nên anh không đề nghị Tòa án giải quyết.

Theo lời khai của bà Vũ Thị T (là mẹ của chị L) cung cấp: Chị L và anh D thì được hai bên gia đình tổ chức đám cưới theo phong tục địa phương vào năm 2008. Sau khi cưới, vợ chồng chung sống với gia đình nhà chồng. Trong quá trình chung sống, vợ chồng anh chị ấy có nhiều mâu thuẫn, nguyên nhân do anh D chơi bời, không chịu làm ăn, thường xuyên đi chơi đêm không về nhà, chị L góp ý thì anh D không nghe nên vợ chồng cãi nhau, đánh nhau. Do mâu thuẫn

như vậy nên nhiều lần chị L bỏ về nhà bà ở, sau đó anh D có đến xin lỗi thì chị L lại quay về. Bà cũng nhiều lần khuyên bảo, hòa giải cho anh chị ấy. Tuy nhiên khi quay về thì mâu thuẫn giữa anh chị ấy vẫn tiếp diễn, khoảng giữa năm 2011, vợ chồng có xô xát nên chị L bế con bỏ về nhà bà, anh D nhiều lần tìm nhưng chị L kiên quyết không về. Sau đó, chị L xin phép cho đi làm ăn xa và gửi con cho bà nuôi, tránh phải gặp mặt anh D và cũng cho vợ chồng thời gian suy nghĩ. Cuối năm 2022, chị L đã về ở với gia đình bà chứ không về nhà chồng. Khi chị L về thì anh D và mẹ chồng cũng đến tìm và khuyên quay về nhưng chị L không đồng ý và nói muốn ly hôn, do vậy từ đó đến nay anh D không đến nhà tìm nữa.

Theo lời khai của bà Nguyễn Thị L1 (là mẹ đẻ của anh D) cung cấp: Anh D và chị L được tự do tìm hiểu và tự nguyện đăng ký kết hôn vào ngày 08/9/2008 tại UBND thị trấn GL. Sau vài ngày thì được hai bên gia đình tổ chức đám cưới theo phong tục địa phương. Sau khi kết hôn, anh D và chị L chung sống hạnh phúc được một thời gian thì cũng xảy ra mâu thuẫn. Chị L cũng đã tự ý bỏ về nhà ngoại khoảng 2-3 lần. Sau đó, anh D đã xuống xin lỗi và chị L lại quay về chung sống cùng nhau. Đến năm 2011, vợ chồng anh D lại tiếp tục mâu thuẫn và chị L lại bỏ về nhà ngoại. Anh D đã xuống tìm nhưng chị L không về. Sau đó, chị L đi lao động tại Nhật Bản và vợ chồng không liên lạc, quan tâm đến nhau. Hiện tại, chị L đã về nhà và sống tại nhà mẹ đẻ chứ không về nhà bà.

Theo biên bản xác minh tại UBND thị trấn GL, huyện Gia Lộc cung cấp: Chị Phạm Thị L và anh Bùi Đức D có đăng ký kết hôn vào ngày 08/9/2008 tại UBND thị trấn GL. Sau khi kết hôn, chị L và anh D về chung sống tại gia đình nhà chồng tại số X GK, thị trấn GL, huyện GL, tỉnh Hải Dương. Vợ chồng chung sống hạnh phúc được một thời gian sau đó có phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân mâu thuẫn do vợ chồng bất đồng quan điểm về tính cách, làm ăn kinh tế. Vợ chồng cũng thường xuyên xảy ra cãi vã, đánh đập, chửi bới. Sau đó, chị L đã bỏ về gia đình nhà ngoại sinh sống từ năm 2011 cho đến nay.

Theo lời khai của cháu Bùi Đức M cung cấp: cháu cũng biết bố mẹ cháu mâu thuẫn từ lâu, cháu và mẹ đã về nhà bà ngoại sống từ khi cháu còn học mẫu giáo, mỗi người sống một nơi. Nếu Tòa án giải quyết cho bố mẹ ly hôn với nhau thì cháu có nguyện vọng được tiếp tục được ở với mẹ để thuận tiện trong việc sinh hoạt cũng như học hành.

Tại phiên tòa, nguyên đơn vắng vắng nhưng có đơn đề nghị xét xử vắng mặt và giữ nguyên quan điểm đã trình bày với Tòa án. Bị đơn vắng mặt không có lý do.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân (VKSND) huyện Gia Lộc phát biểu quan điểm xác định những người tiến hành tố tụng và nguyên đơn đã thực hiện đúng

các quy định của pháp luật, bị đơn thực hiện không đúng các quy định của pháp luật, đề nghị Tòa án áp dụng Điều 227, Điều 228 BLTTDS xử vắng mặt bị đơn, nguyên đơn.

- Về hướng giải quyết vụ án: Đề nghị TAND huyện Gia Lộc áp dụng Điều 51, 56 Luật hôn nhân và gia đình xử cho chị Phạm Thị L được ly hôn anh Bùi Đức D. Về con chung: Giao con Bùi Đức M, sinh ngày 26/01/2009 cho chị L tiếp tục nuôi dưỡng, chấp nhận sự tự nguyện không yêu cầu anh D cấp dưỡng nuôi con của chị L. Về tài sản chung và nợ chung: Đương sự không yêu cầu nên không xem xét. Nguyên đơn phải chịu án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án, được thẩm tra công khai tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng:

Bị đơn là anh Bùi Đức D cư trú tại Số X GK, thị trấn GL, huyện Gia Lộc, tỉnh Hải Dương nên yêu cầu xin ly hôn của chị Phạm Thị L theo quy định tại Điều 35 và Điều 39 BLTTDS thuộc thẩm quyền giải quyết của TAND huyện Gia Lộc.

Tại phiên tòa: Nguyên đơn vắng mặt nhưng có đơn đề nghị xét xử vắng mặt. Bị đơn vắng mặt không có lý do mặc dù đã được triệu tập hợp lệ lần thứ 2. Căn cứ Điều 227, Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự, HĐXX quyết định tiếp tục xét xử vắng mặt nguyên đơn, bị đơn.

[2] Về yêu cầu xin ly hôn: Chị Phạm Thị L và anh Bùi Đức D được tự do tìm hiểu và tự nguyện đăng ký kết hôn vào ngày 08/9/2008 tại UBND thị trấn GL, huyện GL, tỉnh Hải Dương nên là hôn nhân hợp pháp.

[3] Căn cứ vào các lời khai của chị L, anh D, biên bản xác minh và các lời khai của những người làm chứng xác định vợ chồng chị L anh D có mâu thuẫn, nguyên nhân do vợ chồng bất đồng về quan điểm sống, anh D không tu chí làm ăn, vợ góp ý không nghe nên vợ chồng hay cãi nhau, có khi lại đánh nhau. Khoảng giữa năm 2011, vợ chồng sống ly thân, mỗi người một nơi, không ai quan tâm đến ai. Tòa án đã cho anh chị thời gian để hòa giải nhưng mâu thuẫn giữa anh chị ngày càng căng thẳng hơn, chị L vẫn kiên quyết xin ly hôn không muốn đoàn tụ, anh D không đồng ý ly hôn muốn vợ chồng đoàn tụ nhưng không có biện pháp gì để khắc phục mâu thuẫn vợ chồng. Từ những phân tích trên, HĐXX thấy rằng tình trạng hôn nhân của vợ chồng chị L anh D đã vi phạm nghiêm trọng quyền, nghĩa vụ của vợ chồng, đời sống chung không còn, mục đích hôn nhân không đạt được nên chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của chị L, xử

cho chị L được ly hôn anh D là phù hợp thực tế và các quy định của Điều 51, Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình.

[4] Về con chung: Chị L và anh D xác định vợ chồng có 01 con là Bùi Đức M, sinh ngày 26/01/2009, hiện đang do chị L nuôi dưỡng. Khi ly hôn, chị L có nguyện vọng được tiếp tục nuôi con; anh D có quan điểm nếu Tòa án giải quyết cho vợ chồng anh ly hôn thì anh muốn nuôi cháu M. HĐXX xét thấy, nguyện vọng nuôi con của anh chị đều chính đáng, tuy nhiên từ trước đến nay chị L là người trực tiếp nuôi con, đảm bảo cho con đầy đủ về mặt vật chất, tinh thần, hơn nữa cháu Minh có nguyện vọng được ở với mẹ. Do vậy, giao con chung cho chị L tiếp tục nuôi dưỡng là phù hợp theo quy định tại Điều 58, 81, 82, 83 Luật Hôn nhân và Gia đình.

[5] Về cấp dưỡng nuôi con: Chị L tự nguyện không yêu cầu anh D cấp dưỡng nuôi con sau khi ly hôn, xét đây là sự tự nguyện của chị nên HĐXX chấp nhận.

[6] Về tài sản, công nợ chung: Các đương sự đều không đề nghị, nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[7] Về án phí: Nguyên đơn phải chịu cả án phí sơ thẩm ly hôn theo quy định tại khoản 4 Điều 147 BLTTDS và Nghị quyết 326 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH

1. Áp dụng: Điều 51, Điều 56, Điều 58, Điều 81, Điều 82, Điều 83 Luật hôn nhân và gia đình 2014; Điều 35, Điều 39, khoản 4 Điều 147, Điều 227, Điều 228 BLTTDS năm 2015; Nghị quyết 326 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội.

2. Tuyên xử:

- Chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của Chị Phạm Thị L: Xử cho chị Phạm Thị L ly hôn anh Bùi Đức D.

- Về con chung: Giao con Bùi Đức M, sinh ngày 26/01/2009 cho chị Phạm Thị L tiếp tục nuôi dưỡng, kể từ tháng 6/2023 cho đến khi con đủ 18 tuổi. Chấp nhận sự tự nguyện của chị L không yêu cầu anh D cấp dưỡng nuôi con.

Sau khi ly hôn, cha mẹ vẫn có quyền, nghĩa vụ trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chưa thành niên. Anh D có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở. Chị L cùng các thành viên gia đình không được cản trở anh D trong việc thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chung.

- Về án phí: Chị Phạm Thị L phải chịu 300.000đ án phí Hôn nhân và gia đình sơ thẩm, được đối trừ vào 300.000đ tiền tạm ứng án phí chị đã nộp theo

biên lai số AA/2020/0000840 ngày 08/02/2023 tại Chi cục thi hành án dân sự huyện Gia Lộc. Chị L đã nộp đủ án phí.

Về quyền kháng cáo: Đương sự vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án sơ thẩm trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc từ ngày bản án được niêm yết./.

Nơi nhận:

- VKSND huyện Gia Lộc;
- Chi cục THADS huyện Gia Lộc;
- Các đương sự;
- UBND thị trấn GL, huyện GL, tỉnh Hải Dương;
- Lưu hồ sơ vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

Bùi Thị Giang